

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG SƠ BỘ CÁC THAY ĐỔI TẠI THỜI ĐIỂM CHUYỂN ĐỔI VAS QUA IFRS

Doanh nghiệp phi tài chính (không bao gồm bất động sản)

IFRS

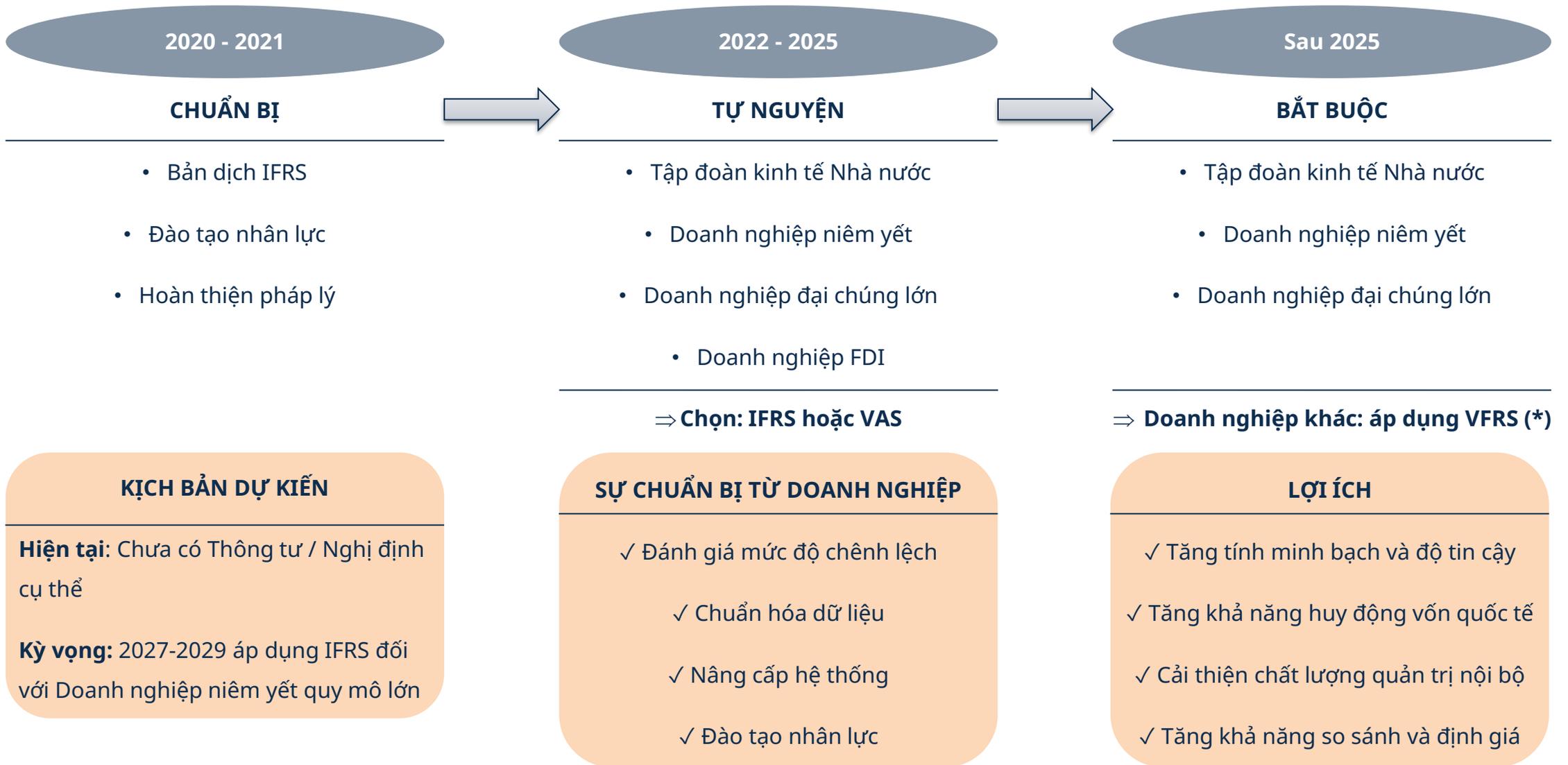
CTCP Chứng Khoán Mirae Asset Việt Nam

Nguyễn Hoàng Bích Ngọc

Ngoc.nhb@miraeasset.com.vn

Nội dung	Lộ trình áp dụng IFRS tại Việt Nam (Quyết định 345/QĐ-BTC ngày 16/3/2020)	3
	Tóm tắt đánh giá tác động sơ bộ tại thời điểm chuyển đổi VAS qua IFRS	4
	<ul style="list-style-type: none">• Phạm vi: Doanh nghiệp phi tài chính (không bao gồm BĐS) trong nhóm 30 mã vốn hóa lớn nhất• Các khoản mục dự kiến có sự tác động đáng kể đến LNTT/VCSH/định giá• Các khoản mục dự kiến có sự thay đổi đáng kể trong phương pháp hạch toán nhưng không tác động lớn đến KQKD tại thời điểm chuyển đổi• Các khoản mục dự kiến có sự thay đổi đáng kể trong phương pháp hạch toán nhưng không có thông tin để đánh giá	4 4 5 7
	Cơ sở lý thuyết theo VAS và IFRS	11
Biểu đồ	FPT - Đánh giá tác động sơ bộ IFRS đến lợi nhuận/VCSH/định giá	8
	<ul style="list-style-type: none">• LNTT điều chỉnh theo IFRS [+30%]• VCSH điều chỉnh theo IFRS [+12%]• P/E điều chỉnh theo IFRS [-23%]• P/B điều chỉnh theo IFRS [-11%]	
	HVN - Đánh giá tác động sơ bộ IFRS đến VCSH/định giá	9
	<ul style="list-style-type: none">• Thành phần VCSH 2025• Cơ cấu nguồn vốn 2025• VCSH điều chỉnh theo IFRS [+16%]• P/B điều chỉnh theo IFRS [-14%]	
	Cơ cấu tài sản/nguồn vốn các doanh nghiệp tham chiếu 2025	10

Lộ trình áp dụng IFRS tại Việt Nam (Quyết định 345/QĐ-BTC ngày 16/3/2020)



(*) Bộ tài chính dự kiến Ban hành mới và tổ chức thực hiện hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính Việt Nam (VFRS) theo nguyên tắc tiếp thu tối đa thông lệ quốc tế, phù hợp với đặc thù của nền kinh tế Việt Nam và nhu cầu của doanh nghiệp, đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện.

Tóm tắt đánh giá tác động sơ bộ tại thời điểm chuyển đổi VAS qua IFRS

Phạm vi phân tích: **Doanh nghiệp phi tài chính (không bao gồm ngành bất động sản)** trong nhóm 30 mã vốn hóa lớn nhất thị trường

Doanh nghiệp phân tích

- Hàng không: VJC, HVN
- Thép: HPG
- CNTT: FPT
- Dầu khí: GAS, BSR
- Tiêu dùng & Bán lẻ: VNM, MWG, MSN
- Hàng hóa công nghiệp: GEE

Giả định chính khi chuyển đổi

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

- Phương pháp giá trị hợp lý (GTHL) vào lãi lỗ trước thuế (FVTPL)
- Áp dụng giá niêm yết (nếu có).

TSCĐ hữu hình:

- Phương pháp đánh giá lại (Revaluation model)
- Giả định chênh lệch tăng giá trị hợp lý: **+10%**

Sử dụng số liệu BCTC hợp nhất 2025 (chưa kiểm toán)

FPT

- LNTT: **+30%**
- P/E: **-23%** (~ mức -2STD)
- VCSH: **+12%**
- P/B: **-11%** (< mức -1STD)

LNTT tăng chủ yếu từ chênh lệch GTHL khoản đầu tư TPB & FTS

HVN

- VCSH: **+16%**
- P/B: **-14%**

- VCSH tăng từ chênh lệch GTHL TSCĐHH.
- Do nền VCSH thấp (~**9%** tổng tài sản, lỗ lũy kế LNCPP ~26 nghìn tỷ), sự thay đổi GTHL TSCĐHH có tác động tương đối lớn.

Doanh nghiệp hưởng lợi đáng chú ý (tác động ước tính)

Tóm tắt đánh giá tác động sơ bộ tại thời điểm chuyển đổi VAS qua IFRS (tt.)

Các khoản mục dự kiến có **sự thay đổi đáng kể trong phương pháp hạch toán nhưng không tác động lớn đến KQKD** tại thời điểm chuyển đổi

Hàng tồn kho

- Chiết khấu thanh toán ghi nhận giảm trừ giá hàng tồn kho mua vào (IFRS), thay vì doanh thu tài chính (VAS).
- Các loại hàng tồn kho dùng để sản xuất (nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ...) chỉ lập dự phòng khi giá bán các thành phẩm sản xuất từ các loại vật tư đó giảm sút trên thị trường.

Tác động tại thời điểm chuyển đổi

- **Chiết khấu thanh toán**
 - Loại trừ khỏi doanh thu tài chính => **chênh lệch giảm lợi nhuận tại thời điểm chuyển đổi.**
 - Giảm giá vốn hàng bán khi hàng tồn kho được bán ra.
- **Hoàn nhập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ...** nếu đang trích lập quá thận trọng.

Chiết khấu thanh toán/LNTT 2025

- MWG: -0.5%
- GEE: -0.8%

Dự phòng giảm giá các loại hàng tồn kho dùng để sản xuất/LNTT 2025

- HPG: +0.1%
- VNM: +0.3%
- GAS: +0.8%
- GEE: +0.2%
- FPT: +0.6%
- MSN: +1.3%
- BSR: +0.8%

Tóm tắt đánh giá tác động sơ bộ tại thời điểm chuyển đổi VAS qua IFRS (tt.)

Các khoản mục dự kiến có **sự thay đổi đáng kể trong phương pháp hạch toán nhưng không tác động lớn đến KQKD** tại thời điểm chuyển đổi

Phải thu/phải trả

Các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác hoặc Các khoản phải trả người bán, phải trả khác có tính chất hoàn trả khi kết thúc thời hạn/hợp đồng được đo lường và hạch toán theo:

- Phương pháp Giá trị phân bổ (Amortised costs).
- Phương pháp lãi suất thực (Effective Interest Rate - EIR).

Tác động tại thời điểm chuyển đổi

Khoản phải thu:

- Lãi suất hợp đồng > EIR: phát sinh **chênh lệch tăng doanh thu ròng**
- Lãi suất hợp đồng (LSHĐ) < EIR: phát sinh **chênh lệch tăng chi phí ròng**

Khoản phải trả:

- Lãi suất hợp đồng > EIR: phát sinh **chênh lệch tăng chi phí ròng**
- Lãi suất hợp đồng < EIR: phát sinh **chênh lệch tăng doanh thu ròng**

Chênh lệch GTHL Phải thu và Phải trả/LNTT 2025

- VJC: -0.6-6.4%
- GAS: -0.2%
- HVN: +0.5-5.0%
- BSR: +0.1%
- HPG: +0.1-1%
- VNM, MWG, MSN: +0.1-1.2%
- FPT: +0.1-0.6%
- GEE: -0.1-0.5%

- Chênh lệch (+/-) doanh thu/chi phí ròng dự phóng **~0.1-1%** tổng giá trị điều chỉnh.
- Kết quả điều chỉnh các khoản phải thu và phải trả thường có tính chất bù trừ lẫn nhau.
- **Vay ngân hàng và trái phiếu** cần điều chỉnh tương tự Phải trả. Tuy nhiên, đối với các khoản có thời hạn thanh toán gốc/lãi định kỳ hàng năm, sự khác biệt giữa LSHĐ và EIR không quá chênh lệch như các khoản chiếm dụng vốn thương mại hoặc cho vay/đặt cọc mang yếu tố hỗ trợ tài chính. Vì vậy, chênh lệch điều chỉnh là không trọng yếu.

Tóm tắt đánh giá tác động sơ bộ tại thời điểm chuyển đổi VAS qua IFRS (tt.)

Các khoản mục dự kiến có **sự thay đổi đáng kể trong phương pháp hạch toán nhưng không có thông tin để đánh giá**

Chi phí sửa chữa lớn/đại tu

- Ghi nhận TSCĐ hữu hình (IFRS) thay vì chi phí trả trước dài hạn (VAS).
- Khấu hao theo chu kỳ đến lần đại tu tiếp theo.
- **Ghi giảm giá trị còn lại của lần đại tu cũ khi đến kỳ đại tu mới.**

Tác động

- Chênh lệch tăng/giảm chi phí khấu hao nếu thời gian phân bổ theo VAS có sự khác biệt với thời gian còn lại của chu kỳ đại tu hiện tại.
- Trường hợp chu kỳ đại tu thực tế ngắn hơn ước tính ban đầu, **phần chưa khấu hao hết sẽ ghi toàn bộ chi phí trong kỳ** trước khi thực hiện đại tu mới.

Chi phí bảo dưỡng, kiểm tra và sửa chữa lớn/Tổng tài sản 2025

- VJC: 4.5%
- HVN: 3.3%

Thuê hoạt động

- Ghi nhận Quyền sử dụng tài sản và Nghĩa vụ nợ thuê tài sản (IFRS) >< VAS không ghi nhận tài sản và nợ.
- Ghi nhận chi phí khấu hao và chi phí tài chính (IFRS), thay vì chi phí hoạt động (VAS).

Tác động

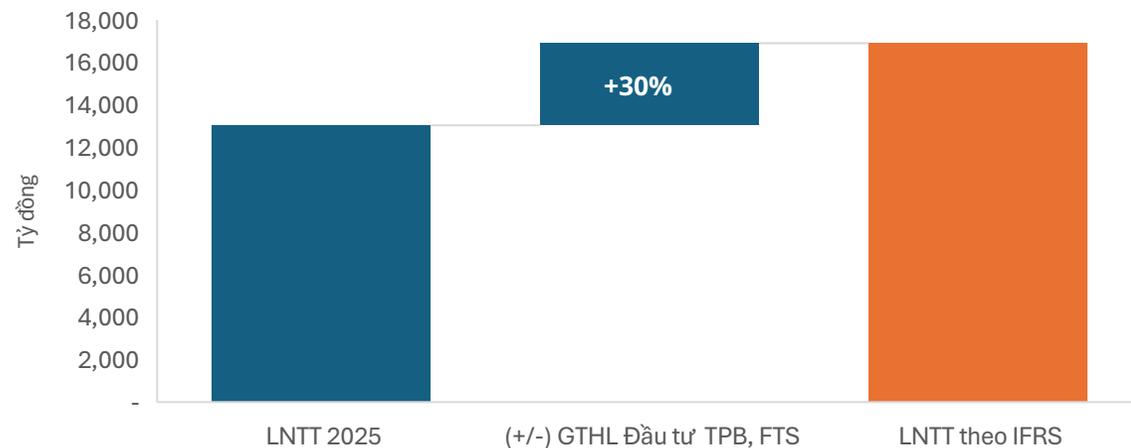
- Tài sản và nợ phải trả tăng => **Tỷ lệ nợ tăng**
- EBITDA tăng => **EV/EBITDA giảm**

Chuỗi tiêu dùng & Bán lẻ

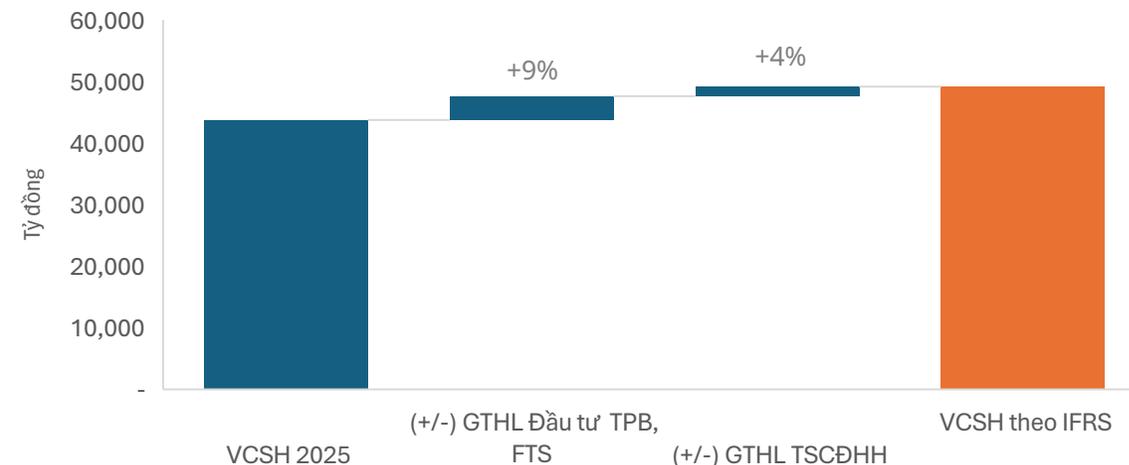
VNM, MWG, MSN

FPT - Đánh giá tác động sơ bộ IFRS đến lợi nhuận/VCSH/định giá

FPT: LNTT điều chỉnh theo IFRS



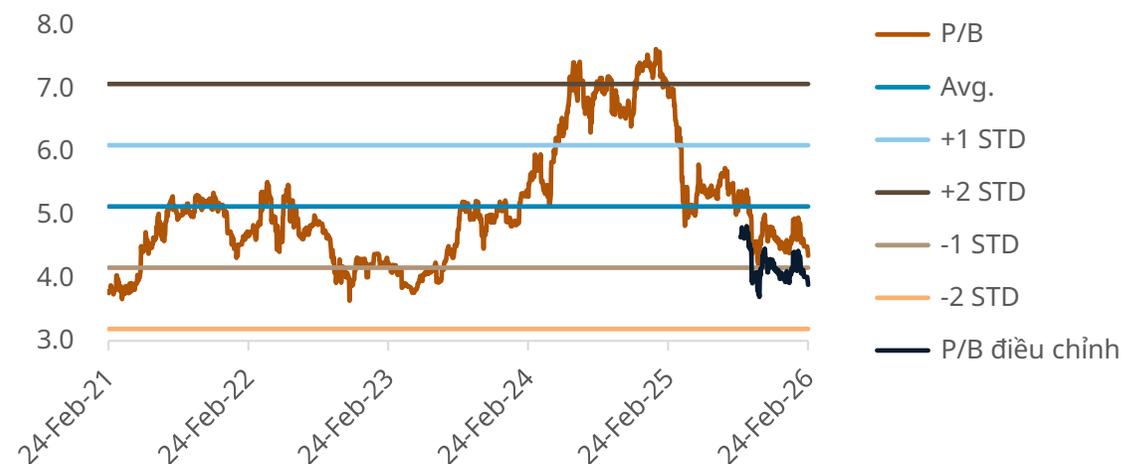
FPT: VCSH điều chỉnh theo IFRS



FPT: P/E điều chỉnh theo IFRS



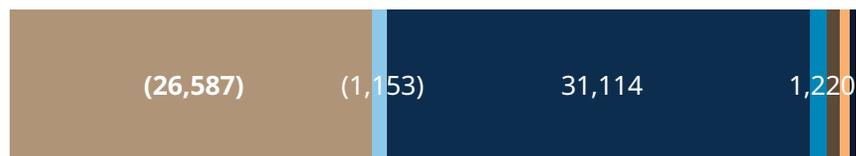
FPT: P/B điều chỉnh theo IFRS



Nguồn: FiinPro, Bloomberg, Mirae Asset Vietnam Research

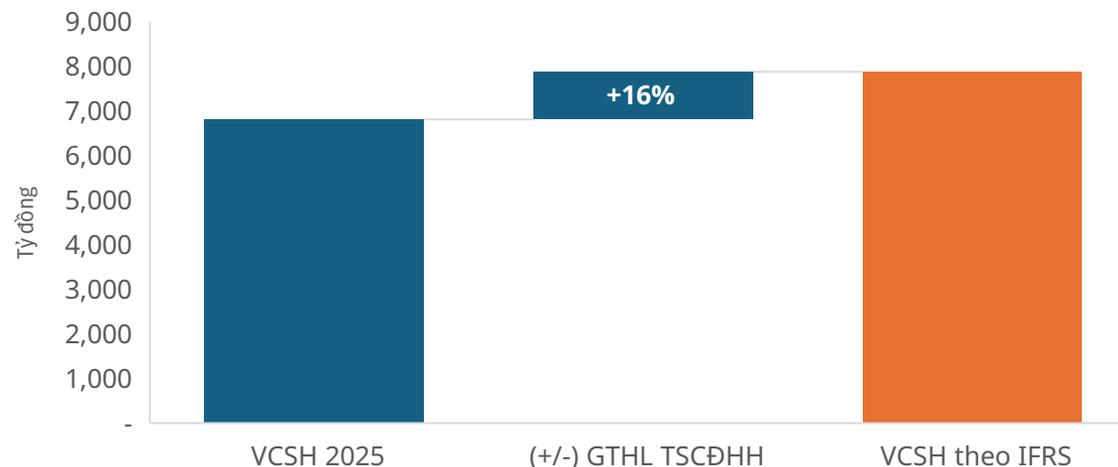
HVN - Đánh giá tác động sơ bộ IFRS đến VCSH/định giá

HVN: Thành phần VCSH 2025

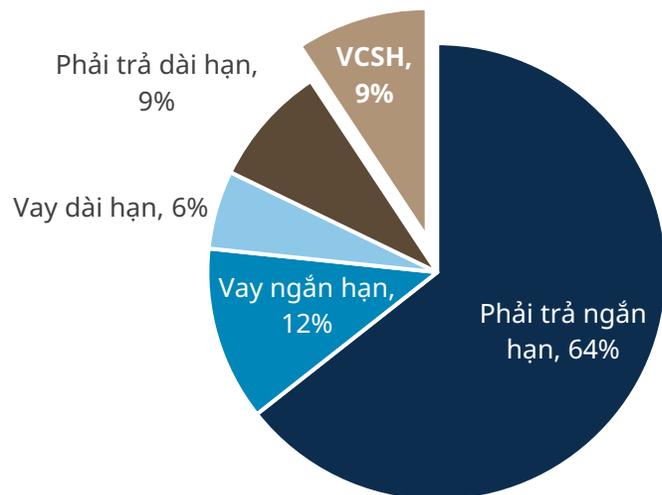


- Vốn điều lệ
- Thặng dư
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản
- Quỹ đầu tư phát triển
- LNST chưa phân phối
- Cổ đông không kiểm soát

HVN: VCSH điều chỉnh theo IFRS



HVN: Cơ cấu nguồn vốn 2025

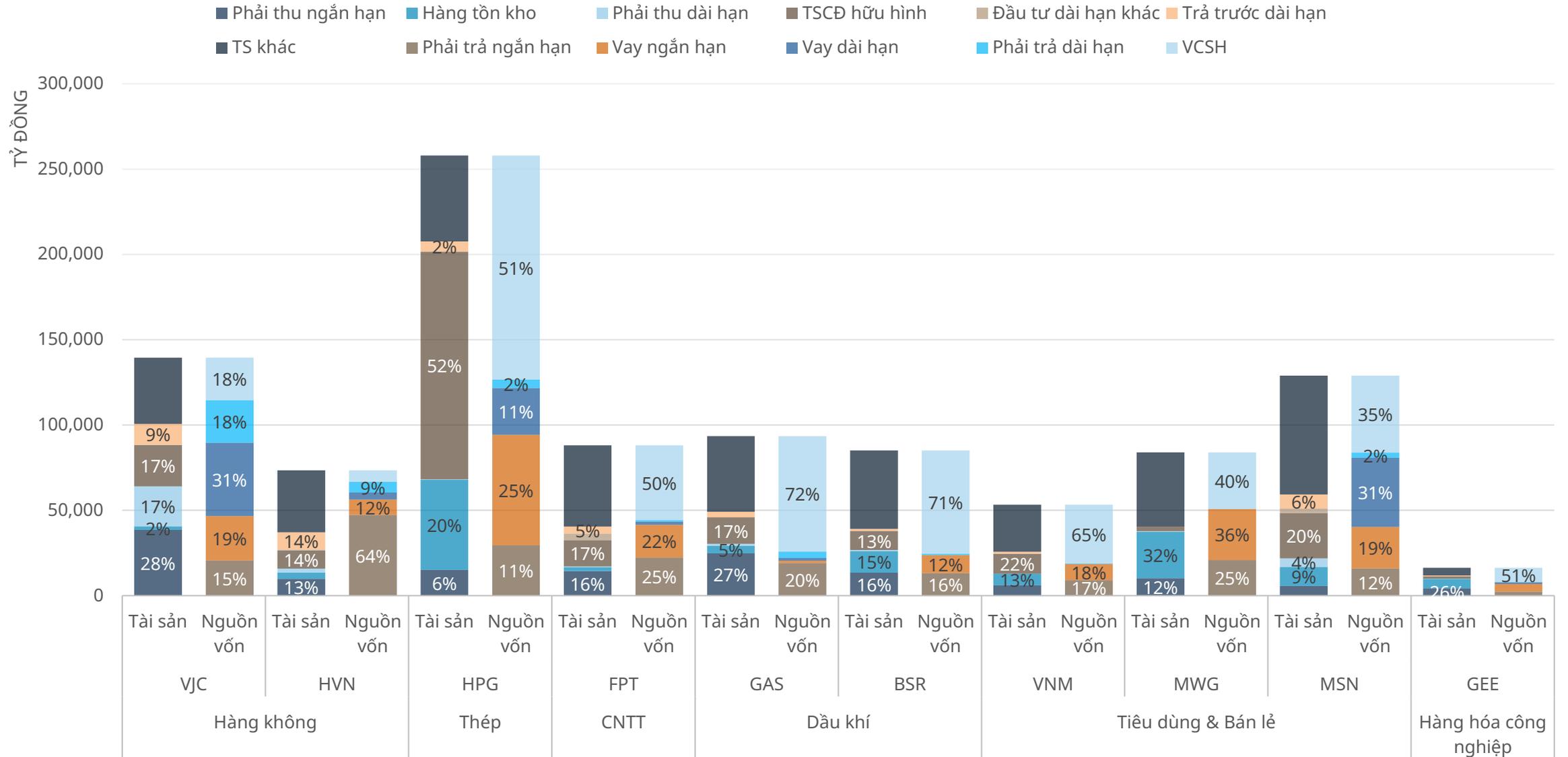


HVN: P/B điều chỉnh theo IFRS (Q1/2022-Q2/2025: HVN âm VCSH)



Nguồn: FiinPro, Bloomberg, Mirae Asset Vietnam Research

Cơ cấu tài sản/nguồn vốn các doanh nghiệp tham chiếu 2025



Nguồn: FiinPro, Mirae Asset Vietnam Research

Cơ sở lý thuyết theo VAS và IFRS

Khoản mục		VAS	IFRS	Giá trị hợp lý
TSCĐ hữu hình	Chuẩn mực	VAS 03	IAS 16	IFRS 13
	Sau khi ghi nhận ban đầu	Trong quá trình sử dụng, TSCĐ hữu hình được xác định theo nguyên giá, khấu hao và giá trị còn lại	<p>TSCĐHH được xác định giá trị theo một trong hai PP:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp giá gốc - Phương pháp đánh giá lại (Revaluation model): <ul style="list-style-type: none"> • Ghi nhận lãi chênh lệch đánh giá lại tài sản vào OCI (Other Comprehensive Income) – Thu nhập toàn diện khác trong Báo cáo thu nhập toàn diện (Statement of Comprehensive Income) <p>⇒ Kết chuyển OCI vào Thặng dư đánh giá lại tài sản trong VCSH.</p> <p>⇒ Không ảnh hưởng kết quả lợi nhuận trên P&L, tăng trực tiếp VCSH.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ghi nhận lỗ chênh lệch đánh giá lại tài sản vào P&L. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chiết khấu dòng tiền - Định giá tài sản
	Suy giảm tài sản (Impairment)	Không đề cập	Quy định về suy giảm giá trị TSCĐ và cách xử lý	IAS 36

Cơ sở lý thuyết theo VAS và IFRS (tt.)

Khoản mục	Chuẩn mực	VAS	IFRS
Chi phí sửa chữa lớn/đại tu	Chuẩn mực	VAS 242	IAS 16
	Ghi nhận	Treo chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần	<ul style="list-style-type: none"> - Không ghi nhận chi phí trả trước dài hạn - Là một cấu phần tài sản cố định hữu hình. - Khấu hao theo chu kỳ đến lần đại tu tiếp theo. - Ghi giảm giá trị còn lại của lần đại tu cũ khi đến kỳ đại tu mới.
Thuê hoạt động	Chuẩn mực	VAS 06	IFRS 16
	Ghi nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Không ghi nhận tài sản và nợ phải trả - Ghi nhận chi phí thuê vào chi phí SXKD theo kỳ 	<p>Cân đối kế toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyền sử dụng tài sản - Nghĩa vụ nợ thuê tài sản <p>Kết quả kinh doanh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí khấu hao - Chi phí tài chính

Cơ sở lý thuyết theo VAS và IFRS (tt.)

Khoản mục		VAS	IFRS	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Chuẩn mực	VAS 21	IFRS 09	IFRS 13
	Ghi nhận	Phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư	Lựa chọn: <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp giá trị hợp lý vào lãi lỗ trước thuế (FVTPL). - Phương pháp giá trị hợp lý vào thu nhập toàn diện (FVOCI). 	<ul style="list-style-type: none"> - Giá niêm yết - Chiết khấu dòng tiền - Định giá công ty
Hàng tồn kho	Chuẩn mực	VAS 02	IAS 02	IFRS 13
	Chiết khấu thanh toán	Ghi nhận trong doanh thu tài chính	Giảm trừ giá hàng tồn kho mua vào	Không đánh giá lại hàng tồn kho
	Đối tượng lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	Toàn bộ các vật tư, công cụ dụng cụ, thành phẩm và hàng hóa.	Chủ yếu là các loại hàng tồn kho để bán (thành phẩm và hàng hóa). Các loại hàng tồn kho dùng để sản xuất chỉ lập dự phòng khi giá bán các thành phẩm sản xuất từ các loại vật tư đó giảm sút trên thị trường.	

Cơ sở lý thuyết theo VAS và IFRS (tt.)

Khoản mục		VAS	IFRS	Giá trị hợp lý
Phải thu	Chuẩn mực	VAS 01	IFRS 09	IFRS 13
	Ghi nhận	Giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi	<p>Các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, hoặc phải thu khác có tính chất hoàn trả khi kết thúc thời hạn/hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được phân loại là Công cụ nợ - Phương pháp đo lường sau ghi nhận ban đầu: Giá trị phân bổ (Amortised costs). 	<p>Hạch toán theo phương pháp lãi suất thực (Effective Interest Rate):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính trên số dư vay/cho vay đầu mỗi kỳ. - Có thể khác với lãi suất trên hợp đồng. - Có thể tính bằng IRR với giả định dòng tiền phát sinh vào cuối năm.
Phải trả	Chuẩn mực	VAS 01	IFRS 09	IFRS 13
	Ghi nhận	Phương pháp giá gốc	<p>Các khoản phải trả người bán hoặc phải trả khác có tính chất hoàn trả khi kết thúc thời hạn/hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đo lường sau ghi nhận ban đầu: Giá trị phân bổ (Amortised costs). 	<p>Hạch toán theo phương pháp lãi suất thực (Effective Interest Rate)</p>

Phụ lục

Hệ thống khuyến nghị cổ phiếu		Thang đánh giá ngành	
Mua	: Lợi nhuận kỳ vọng từ 20% trở lên	Tích Cực	: Các yếu tố cơ bản thuận lợi hoặc đang cải thiện
Tăng Tỷ Trọng	: Lợi nhuận kỳ vọng từ 10% trở lên	Trung Tính	: Các yếu tố cơ bản ổn định và dự kiến không có thay đổi trọng yếu
Nắm Giữ	: Lợi nhuận kỳ vọng trong khoảng +/-10%	Tiêu Cực	: Các yếu tố cơ bản không thuận lợi hoặc theo xu hướng xấu
Bán	: Lợi nhuận kỳ vọng từ -10% trở xuống		

- * Hệ thống khuyến nghị của chúng tôi dựa trên lợi nhuận kỳ vọng về tăng trưởng giá cổ phiếu trong vòng 12 tháng tiếp theo.
- * Giá mục tiêu được xác định bởi chuyên viên phân tích áp dụng các phương pháp định giá được đề cập trong báo cáo, một phần dựa trên dự phóng của người phân tích về lợi nhuận trong tương lai.
- * Việc đạt giá mục tiêu có thể chịu tác động từ các rủi ro liên quan đến cổ phiếu, doanh nghiệp, cũng như điều kiện thị trường, vĩ mô nói chung.

Khuyến cáo

Kể từ ngày phát hành, Chứng Khoán Mirae Asset và các chi nhánh không có bất kỳ lợi ích đặc biệt liên quan đến doanh nghiệp chủ thể và không sở hữu trên 1% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của doanh nghiệp chủ thể.

Xác nhận của chuyên viên phân tích

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm thực hiện báo cáo này xác nhận rằng (i) những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân các tổ chức phát hành và chứng khoán trong báo cáo và (ii) không có phần thù lao nào của chuyên viên phân tích đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Tương tự như các nhân viên trong công ty, Chuyên viên phân tích nhận được thù lao dựa trên doanh thu và lợi nhuận tổng thể của Chứng Khoán Mirae Asset, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, Ngân hàng đầu tư hoặc Tư vấn doanh nghiệp. Tại thời điểm phát hành báo cáo, Chuyên viên phân tích không biết về bất kỳ xung đột lợi ích thực tế, trọng yếu nào của Chuyên viên phân tích hoặc Chứng Khoán Mirae Asset.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Mirae Asset Securities International Network

Mirae Asset Securities Co., Ltd. (Seoul)

One-Asia Equity Sales Team
Mirae Asset Center 1 Building
26 Eulji-ro 5-gil, Jung-gu, Seoul 04539
Korea

Tel: 82-2-3774-2124

Mirae Asset Securities (USA) Inc.

810 Seventh Avenue, 37th Floor
New York, NY 10019
USA

Tel: 1-212-407-1000

PT. Mirae Asset Sekuritas Indonesia

District 8, Treasury Tower Building Lt. 20
Sudirman Central Business District
Jl. Jend. Sudirman, Kav. 52-54
Jakarta Selatan 12190
Indonesia

Tel: 62-21-5088-7000

Mirae Asset Securities Mongolia UTsK LLC

#406, Blue Sky Tower, Peace Avenue 17
1 Khoroo, Sukhbaatar District
Ulaanbaatar 14240
Mongolia

Tel: 976-7011-0806

Shanghai Representative Office

38T31, 38F, Shanghai World Financial Center
100 Century Avenue, Pudong New Area
Shanghai 200120
China

Tel: 86-21-5013-6392

Mirae Asset Securities (HK) Ltd.

Units 8501, 8507-8508, 85/F
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon
Hong Kong

Tel: 852-2845-6332

Mirae Asset Wealth Management (USA) Inc.

555 S. Flower Street, Suite 4410,
Los Angeles, California 90071
USA

Tel: 1-213-262-3807

Mirae Asset Securities (Singapore) Pte. Ltd.

6 Battery Road, #11-01
Singapore 049909
Republic of Singapore

Tel: 65-6671-9845

Mirae Asset Investment Advisory (Beijing) Co., Ltd

2401B, 24th Floor, East Tower, Twin Towers
B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District
Beijing 100022
China

Tel: 86-10-6567-9699

Ho Chi Minh Representative Office

7F, Saigon Royal Building
91 Pasteur St.
District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City
Vietnam

Tel: 84-8-3910-7715

Mirae Asset Securities (UK) Ltd.

41st Floor, Tower 42
25 Old Broad Street,
London EC2N 1HQ
United Kingdom

Tel: 44-20-7982-8000

Mirae Asset Wealth Management (Brazil) CCTVM

Rua Funchal, 418, 18th Floor, E-Tower Building
Vila Olimpia
Sao Paulo - SP
04551-060
Brazil

Tel: 55-11-2789-2100

Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC

7F, Le Meridien Building
3C Ton Duc Thang St.
District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City
Vietnam

Tel: 84-8-3911-0633 (ext.110)

Beijing Representative Office

2401A, 24th Floor, East Tower, Twin Towers
B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District
Beijing 100022
China

Tel: 86-10-6567-9699 (ext. 3300)

Mirae Asset Capital Markets (India) Private Limited

Unit No. 506, 5th Floor, Windsor Bldg., Off CST
Road, Kalina, Santacruz (East), Mumbai – 400098
India

Tel: 91-22-62661336
